

NGHỊ QUYẾT

VỀ VIỆC BỔ SUNG DANH MỤC VÀ MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí do Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2001; Nghị định số 08/2000/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2000 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Thông tư liên tịch số 03/2007/TTLT-BTC-BTP ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm; Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC- BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Nghị quyết số 83/2006/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quyết định danh mục và mức thu phí, lệ phí;

Theo Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc bổ sung danh mục và mức thu phí, lệ phí;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quyết định bổ sung danh mục và mức thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Cần Thơ (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào danh mục và mức thu phí, lệ phí được bổ sung, giao Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quyết định mức thu cụ thể của từng loại phí, lệ phí; tỷ lệ phần trăm trích lại cho đơn vị thu phí, lệ phí trên số phí, lệ phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí, lệ phí; hướng dẫn việc thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với từng loại phí, lệ phí theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực sau mười ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa VII, kỳ họp thứ mười thông qua và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH
Nguyễn Tấn Quyền

BỔ SUNG

DANH MỤC VÀ MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
(Kèm theo Nghị quyết số 04/2007/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa VII, kỳ họp thứ mười)

Số TT	DANH MỤC	MỨC THU TỐI ĐA
A	PHÍ	
I	PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI	đồng/m³
1	Đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, gia đình tại quận Ninh Kiều và quận Bình Thủy	500
2	Đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, gia đình tại các quận, huyện còn lại	180
3	Đối với nước thải công nghiệp tính theo từng chất gây ô nhiễm có trong nước thải được quy định tại Mục 2, Phần II của Thông tư liên tịch số 125/2003/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/12/2003 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ	Thực hiện thu theo quy định tại Mục 2, Phần II của TTLT số 125/2003/ TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/12/2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 67/2003/NĐ- CP ngày 13/6/2003 của Chính phủ
II	PHÍ CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM	đồng/trường hợp
1	Cung cấp thông tin cơ bản (Danh mục giao dịch bảo đảm, sao đơn yêu cầu đăng ký)	10.000
2	Cung cấp thông tin chi tiết (Văn bản tổng hợp thông tin về các giao dịch bảo đảm)	30.000
B	LỆ PHÍ	
I	LỆ PHÍ HỘ TỊCH	đồng/lần
	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch (Mức thu áp dụng tại UBND thành phố, Sở Tư pháp)	10.000
II	LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM	đồng/trường hợp
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm	60.000
2	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	50.000
3	Đăng ký gia hạn giao dịch bảo đảm	40.000
4	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	40.000
5	Yêu cầu sửa chữa sai sót trong đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm (đối với trường hợp sai sót không do lỗi của Đăng ký viên)	10.000
III	LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở	đồng/giấy
1	Cấp lần đầu và chuyển nhượng một phần nhà ở đã có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở	
	- Cá nhân	100.000
	- Tổ chức	500.000
2	Cấp đổi, cấp lại, xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đã được cấp, gồm:	
	- Nhà ở đã có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, nay chủ sở hữu đề nghị cấp đổi, cấp lại, xác nhận thay đổi trên giấy Chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đã được cấp.	50.000
	- Nhà ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo Nghị định	50.000
	số 60/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và đất ở tại đô thị, hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai mà trong nội dung đã có ghi nhận về nhà ở, nay chủ sở hữu có nhu cầu cấp đổi, cấp lại theo mẫu Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở Nghị định số 90/2006/NĐ-CP.	
	- Các trường hợp nhận chuyển nhượng toàn bộ nhà ở mà đã	50.000

được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở theo Luật Nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo Nghị định số 60/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai mà trong nội dung đã có ghi nhận về nhà ở.	
---	--